

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 06 triệu đôi sản phẩm/năm và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công suất 20 tấn rau củ quả các loại/năm tại xã Tây Hồ và thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển nông thôn Miền Tây

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất gia công giấy dếp xuất khẩu và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại xã Tây Hồ và xã Hạnh Phúc (nay là thị trấn Thọ Xuân), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án Nhà máy sản xuất gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 06 triệu đôi sản phẩm/năm và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công suất 20 tấn rau củ quả các loại/năm tại xã Tây Hồ và thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần xây dựng và Đầu tư phát triển nông thôn Miền Tây tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 05/5/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 52/KHKT-MT ngày 18/5/2021 của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển nông thôn Miền Tây;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 363/Tr-STNMT ngày 20/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất gia công giày dép xuất khẩu, công suất 06 triệu đôi sản phẩm/năm và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công suất 20 tấn rau củ quả các loại/năm tại xã Tây Hồ và thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển nông thôn Miền Tây (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tây Hồ và thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân, Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển nông thôn Miền Tây và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy sản xuất gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 06 triệu
đôi sản phẩm/năm và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công suất 20
tấn rau củ quả các loại/năm tại xã Tây Hồ và thị trấn Thọ Xuân, huyện
Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư
phát triển nông thôn Miền Tây

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin dự án

Nhà máy sản xuất gia công giấy dếp xuất khẩu, công suất 06 triệu đôi sản phẩm/năm và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công suất 20 tấn rau củ quả các loại/năm tại xã Tây Hồ và thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư phát triển nông thôn Miền Tây

+ Người đại diện: Ông Ninh Quang Vinh; Chức vụ: Giám đốc

+ Điện thoại: 0912.245.852

+ Địa chỉ: Bản Chiềng Công, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Công suất: Sản xuất giấy: 06 triệu đôi sản phẩm/năm; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: 20 tấn rau củ quả các loại/năm.

+ Các hạng mục công trình:

Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 54.798,03 m². Bao gồm các hạng mục công trình như sau:

Hạng mục công trình phục vụ sản xuất, gia công giấy dếp xuất khẩu gồm: 03 nhà xưởng (diện tích khoảng 4.860 m²/nhà); 01 nhà điều hành, điện khí nén (diện tích khoảng 576 m²), 01 nhà ăn công nhân (diện tích khoảng 2.580 m²) và các hạng mục công trình phụ trợ: nhà để xe công nhân, trạm xử lý nước thải, bể nước PCCC, nhà vệ sinh công nhân (264 m²), các công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ khác.

Hạng mục công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gồm: 04 nhà lưới sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (tổng diện tích 4.237,7 m²); 01 nhà trưng bày, giới thiệu sản phẩm (126,5 m²); 01 nhà văn phòng (diện tích 725 m²); 01 nhà nghỉ ca (diện tích 284,8 m²) và các công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ khác.

2. Các tác động môi trường chính của dự án (giai đoạn vận hành của dự án)

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực Nhà máy khoảng 0,238 m³/s. Thành phần chất ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân lớn nhất khoảng 228 m³/ngày (nước rửa tay chân, tắm giặt: 114 m³/ngày; nước thải nhà vệ sinh: 90 m³/ngày, nước thải từ quá trình ăn uống: 24 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải sản xuất: phát sinh từ quá trình vệ sinh dụng cụ pha chế hóa chất khoảng 5,0 m³/ngày; từ quá trình rửa khuôn in và các dụng cụ in của phân xưởng in xoa khoảng 20 m³/ngày; thành phần chủ yếu: Chất thoát khuôn, keo dung môi, dung dịch nước cứng, màu, mực in... ; Nước thải từ quá trình xử lý khí thải của lò dầu truyền tải nhiệt phát sinh khoảng 10 m³/ngày; thành phần chủ yếu: bùn cặn, Ca(OH)₂, CaCO₃...

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn mài đế giày, cắt, may, in thêu, chùi rửa sản phẩm, hấp, ép đế giày; từ hoạt động đốt nhiên liệu của lò dầu tải nhiệt; phương tiện ra vào dự án; hoạt động của hệ thống xử lý chất thải. Thành phần chủ yếu: bụi, NO₂, SO₂, CO, NH₃, H₂S, hơi dung môi,...

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 2.525 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa cotton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...;

- Chất thải rắn sản xuất, gia công giày dép phát sinh khoảng 1.356 kg/ngày; xỉ từ quá trình đốt lò dầu truyền tải nhiệt khoảng 480 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: đầu mẫu vải, da, nhựa, cao su thừa; vải vụn, vỏ thùng cacton, giấy, gỗ, túi nilon, tro,...

- Chất thải rắn từ quá trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao phát sinh ngày lớn nhất trong giai đoạn chăm sóc khoảng 10kg/ngày; giai đoạn thu hoạch lớn nhất khoảng 2,5 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu: vỏ bao bì phân bón, đất, cát, cây cỏ, rễ, gốc cây,...

- Ngoài ra, có lượng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn từ hoạt động chỉnh trang cảnh quan và vệ sinh môi trường.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại dạng rắn phát sinh chủ yếu gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, thùng đựng hóa chất; vỏ bao bì hóa chất bảo vệ thực vật,.... khối lượng khoảng 375 kg/tháng.

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: chủ yếu gồm: dầu thải bảo dưỡng máy móc, thiết bị khối lượng khoảng 200 lít/năm; dung dịch hóa chất dư thừa khoảng 450 lít/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của tiếng ồn, rung và ô nhiễm khác

Trong quá trình hoạt động của Trung tâm sẽ phát sinh tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các máy móc, thiết bị gây ra. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động cũng tiềm ẩn các sự cố rủi ro cháy nổ, tai nạn lao động, ngộ độc thực phẩm, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường giai đoạn vận hành của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước mưa chảy tràn trên mái nhà, sân đường trong khuôn viên thu gom bằng hệ thống mương rãnh xung quanh các khu nhà, sân đường nội bộ → hố ga → mương tiêu thoát nước của khu vực → kênh tiêu Phúc Thành.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải rửa chân tay → mương rãnh → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m³/ngày → đường ống thoát nước thải của Nhà máy → kênh tiêu Phúc Thành.

+ Nước thải vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) → bể tự hoại 03 ngăn (01 bể loại 24m³/bể; 06 bể loại 150 m³/bể) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất 300 m³/ngày để tiếp tục xử lý cùng nước thải sản xuất.

- Đối với nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất → mương rãnh → trạm xử lý sơ bộ nước thải sản xuất của Nhà máy, công suất 50 m³/ngày → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất 300 m³/ngày → đường ống thoát nước thải của Nhà máy → kênh tiêu Phúc Thành.

+ Quy trình công nghệ của Trạm xử lý sơ bộ nước thải sản xuất của Nhà máy, công suất 50 m³/ngày đêm: Nước thải sản xuất → bể thu gom → bể khuấy nhanh → bể keo tụ → bể lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất 300 m³/ngày.

+ Quy trình công nghệ của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày: Nước thải → Bể thu gom, máy sàng rác tinh → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể khử Nitơ → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng nghiêng → Bể chứa nước đầu ra → Bồn lọc cát → Bể lọc than → Bể chứa nước sau xử lý (để tái sử dụng, một phần thải ra môi trường).

Nước thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Khu vực cắt viên, mài thô: Tại các máy mài, cắt viên → chụp hút bụi → quạt hút bụi → hệ thống xyclon khô → thải ra môi trường qua ống thoát khí.

+ Khu vực hấp, ép đế, chùi rửa sản phẩm: Hơi dung môi phát sinh → chụp hút mùi → quạt hút mùi → tháp xử lý (gồm các lớp hấp phụ bằng than hoạt tính) → thải ra môi trường.

+ Khu vực lò dầu truyền tải nhiệt: Khí thải từ quá trình đốt nguyên liệu (trấu, mùn cưa viên nén) → hệ thống xyclon khô → hệ thống xyclon màng nước → thải ra môi trường qua ống thải cao 14m.

- Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy: Các phương

tiện tham gia vận chuyển, ra, vào Nhà máy được bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định; lắp đặt hệ thống thông gió công nghiệp tại các nhà kho, nhà xưởng làm việc; trồng cây xanh khu vực khuôn viên Nhà máy.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào 40 thùng có nắp đậy ($V=40$ lít/thùng) đặt tại các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn công nhân trước khi tập kết vào 05 xe đẩy tay ($V=0,5 \text{ m}^3/\text{xe}$) đặt tại kho chứa rác thải sinh hoạt (diện tích 75 m^2) tại phía Nam khu đất dự án; định kỳ 02 ngày/lần, Nhà máy hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Dầu mẫu vải, da, cao su thừa, vải vụn, nilon... được thu gom, tập trung về kho chứa rác thải sản xuất (diện tích 451 m^2) tại phía Nam khu đất dự án; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Giấy bìa catton, nhựa,... được thu gom bán phế liệu.

+ Tro xỉ được đóng bao, tập kết ra bãi chứa (diện tích khoảng 50 m^2) cạnh khu vực lò dầu tải nhiệt; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Bùn thải từ trạm xử lý sơ bộ nước thải sản xuất và từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy: định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Vỏ bao bì phân bón được tận dụng, bán cho các hộ dân sử dụng làm túi đựng phân chuồng; đất, cát, gốc, rễ cây,... được thu gom, vận chuyển đi xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy được thu gom và phân loại ngay tại nguồn, sau đó đưa về kho chứa CTR nguy hại đặt trong nhà kho chứa riêng có diện tích 50 m^2 cạnh kho chứa chất thải rắn sản xuất của Nhà máy. Trong kho bố trí 04 thùng (thể tích $0,5 \text{ m}^3/\text{thùng}$), thùng kín, có nắp đậy, dán nhãn cụ thể nhóm loại chất thải nguy hại. Định kỳ, hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Vỏ thùng đựng hóa chất được thu gom và lưu giữ tại nhà kho lưu giữ chất thải nguy hại sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp theo hợp đồng kinh tế.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ:

- Sử dụng dây chuyền thiết bị hiện đại và đồng bộ, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất;

- Đặt máy móc thiết bị trên các bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su, đệm cát để tăng cường thêm khả năng cách ly chấn động;
- Lắp đặt hệ thống thông gió đảm bảo lưu thông không khí, thông thoáng nhà xưởng và các khu vực làm việc, sản xuất;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp tại Nhà máy; bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi cho công nhân của các xưởng có độ ồn cao.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải.
- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất theo đúng quy định; xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Nhà máy;
- Phương án phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.
- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn

- *Vị trí giám sát: 06 vị trí*

- + K1: Khu vực xưởng sản xuất số 01;
- + K2: Khu vực xưởng sản xuất số 02;
- + K3: Khu vực xưởng sản xuất 03;

(Thông số giám sát đối với 03 vị trí K1, K2, K3 gồm: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi tổng; SO₂; NO₂; CO, NH₃, H₂S, Benzen, Toluen, Phenol, Methylene Chloride, Methylpheno).

+ K4: Tại thân ống khói lò dầu truyền tải nhiệt trước khi thải ra môi trường *(Thông số giám sát: vi khí hậu, bụi tổng, CO, SO₂, NO₂).*

+ K5: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ K6: Khu vực thu gom, tập kết rác thải sinh hoạt, công nghiệp.

(Thông số giám sát đối với 02 vị trí K5, K6 gồm: vi khí hậu; bụi tổng; SO₂; NO₂; NH₃, H₂S).

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc của bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

b. Giám sát chất lượng nước thải

- Chỉ tiêu phân tích: Nhiệt độ, pH, COD, BOD₅, TSS, Sunfua (tính theo H₂S, NH₄⁺, Tổng N, tổng P, Dầu mỡ động, thực vật, Coliform.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí giám sát gồm:

+ NT1: Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy.

+ NT2: Nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

d. Giám sát chất thải rắn

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định;

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định./.